

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CUM'GAR
TỈNH ĐẮKLẮK**

Bản án số: 22/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 19 - 8 - 2020

V/v: “*Kiện ly hôn*”

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CUM'GAR**

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Ngọc Thắng
- Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Mạnh và ông Nguyễn Đăng Lân
- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Trung – Thư ký tòa án nhân dân huyện Cu

Mgar

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cu M'gar tham gia phiên tòa:
Ông Nguyễn Tuấn Ngọc – Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 8 năm 2020 tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện CuM'gar, tỉnh Đắk Lắk xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 169/2020/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 5 năm 2020 về việc “*Kiện ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 24/2020/QĐXX-HNGĐ ngày 14/7/2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 18/2020/QĐST – HNGĐ ngày 31/7/2020 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Lê Thị T; sinh năm 1995 (có mặt)
Địa chỉ: thôn A, xã V B, huyện K P, tỉnh Đắk Lắk
- Bị đơn: Anh Trần Hoàng S; sinh năm: 1991 (vắng mặt)
Địa chỉ: Thôn T H, xã E T, huyện C M, tỉnh Đắk Lắk

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ly hôn, bản tự khai nguyên đơn chị Lê Thị T trình bày:

Tôi và anh Trần Hoàng S có đăng ký kết hôn với nhau vào ngày 30/12/2015 tại Ủy ban nhân dân xã E T, huyện C M, tỉnh Đắk Lắk trên cơ sở tự nguyện. Trong quá trình chung sống xảy ra nhiều mâu thuẫn, nhiều lần anh S ghen thương vô cớ dùng vũ lực không lý do, không vừa lòng là dùng vũ lực. Tôi đã cố gắng chung sống nhưng không thể tiếp tục được nữa sợ ảnh hưởng đến tính mạng. Từ khi kết hôn chúng tôi ở với nhau được 02 tháng, rồi sau đó chúng tôi đã ly thân đến nay không còn liên lạc qua lại. Nay tôi thấy tình cảm chúng tôi không còn nên tôi làm đơn đề nghị Tòa án nhân dân huyện Cu Mgar xem xét giải quyết cho tôi được ly hôn với anh Trần Hoàng S.

Về con chung: Chúng tôi không có con chung nên tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Anh Trần Hoàng S được tòa án triệu tập nhưng vắng mặt

Tại phiên tòa, chị Lê Thị T vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện yêu cầu được ly hôn với anh Trần Hoàng S, về con chung không có nên chị T không yêu cầu, về tài sản chung chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án và ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án:

Đối với nguyên đơn thực hiện đúng theo quy định tại các Điều 70, Điều 71 BLTTDS.

Đối với bị đơn Tòa án đã triệu tập hợp lệ nhưng bị đơn không chấp hành theo đúng quy định của pháp luật tại các Điều 70, Điều 72 BLTTDS.

Về nội dung: Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình đề nghị: Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị T; Tuyên bố chị Lê Thị T được ly hôn với anh Trần Hoàng S. Về con chung không có nên không đặt ra để giải quyết

Về tài sản chung và nợ chung: Chị Lê Thị T không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

Về án phí: Đương sự phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền và quan hệ pháp luật:

Chị Lê Thị T và anh Trần Hoàng S có đăng ký kết hôn với nhau vào ngày 30/12/2015 tại Ủy ban nhân dân xã E T, huyện Cư Mgar, tỉnh Đắk Lắk. Nay chị Lê Thị T yêu cầu được ly hôn với anh Trần Hoàng S nên quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án là tranh chấp ly hôn.

Anh Trần Hoàng S có hộ khẩu thường trú tại thôn T H, xã E T, huyện Cư Mgar, tỉnh Đắk Lắk. Do đó, căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cư Mgar nên được xem xét, giải quyết theo quy định của pháp luật.

[2] Về thủ tục tố tụng:

Trong quá trình đưa vụ án ra xét xử Tòa án đã triệu tập hợp lệ lần thứ 2 nhưng anh Trần Hoàng S vẫn vắng mặt tại phiên tòa. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự để xét xử vắng mặt.

[3] Về nội dung:

Chị Lê Thị T và anh Trần Hoàng S có đăng ký kết hôn với nhau vào ngày 30/12/2015 tại Ủy ban nhân dân xã E T, huyện C M, tỉnh Đắk Lắk, đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận và bảo vệ. Quá trình chung sống giữa chị T và anh S thường xuyên nảy sinh mâu thuẫn, bất đồng, đời sống chung không hạnh phúc chỉ ở với nhau được 02 tháng và đã sống ly thân từ đó đến nay. Nay chị T yêu cầu được ly hôn với anh S, xét yêu cầu của chị T là phù hợp vì hiện nay tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được.

Như vậy có thể thấy, hôn nhân giữa chị T và anh S đã trầm trọng, việc chị Lê Thị T yêu cầu được ly hôn với anh Trần Hoàng S là chính đáng cần được chấp nhận.

Về con chung: Chị Lê Thị T và anh Trần Hoàng S không có con chung nên không đặt ra giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị Lê Thị T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Về án phí: Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Chị Lê Thị T phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Áp dụng vào các Điều 9, khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/UBTVQH10 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị T

Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Thị T được ly hôn với anh Trần Hoàng S

Về án phí hôn nhân và gia đình:

Chị Lê Thị T phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm được khấu trừ vào số tiền 300.000đ tạm ứng án phí mà chị Lê Thị T đã nộp theo biên lai thu số AA/2019/0009904 ngày 05/05/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cư M'gar.

Nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

ĐẶNG NGỌC THẮNG

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:

- VKS tỉnh; TA tỉnh DakLak;
- VKS huyện CưM'gar;
- Thi hành án dân sự CưM'gar;
- Nguyên đơn, bị đơn;
- UBND xã Ea Kpam;
- Lưu Hsơ vụ án, lưu TA

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

ĐẶNG NGỌC THẮNG